

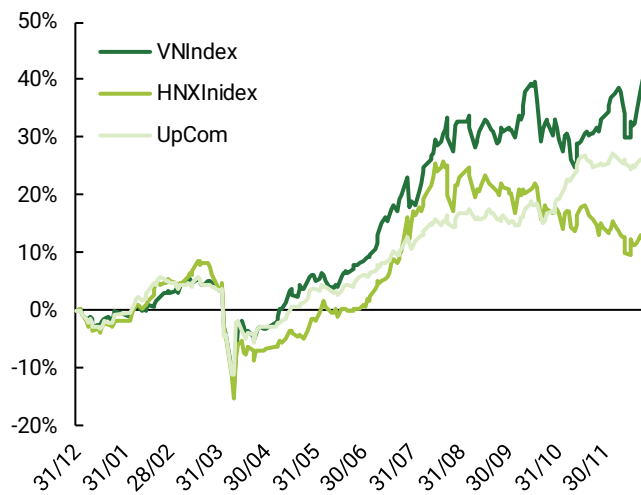
VN-Index **1782.82 (0.60%)**
 863 Tr. cổ phiếu 25438.2 Tỷ VND (-3.64%)

HNX-Index **252.6 (-1.12%)**
 60 Tr. cổ phiếu 1176.5 Tỷ VND (-19.48%)

UPCOM-Index **119.9 (-0.04%)**
 59 Tr. cổ phiếu 943.9 Tỷ VND (-53.54%)

VN30F1M **2022.00 (0.35%)**
 281,126 HD OI: 36,524 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

▪ **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1782.8, tăng +10.7 điểm (+0.60%). Thanh khoản giảm với độ rộng nghiêng về bên bán. VN30 tăng +10.3 điểm (+0.51%), trong khi HNXIndex giảm.

▪ **Điểm nhấn trong phiên:** Lực đẩy tiếp tục được luân chuyển ở nhóm vốn hóa lớn, với động lực phiên nay là nhóm Ngân hàng, cùng các cổ phiếu trong hệ sinh thái Vingroup.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: STB (+4.8%), SHB (+3.7%), LPB (+2.4%) | Bất động sản: VHM (+6.9%), CRE (+3.5%), DXS (+3.0%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+5.0%), PVT (+2.4%) | Dịch vụ tài chính: VCI (+3.9%), VND (+2.3%), SSI (+1.8%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: VNM (-1.8%), ANV (-1.7%), SAB (-1.4%) | Du lịch và Giải trí: VJC (-3.6%), VPL (-1.0%), HVN (-0.2%) | Hóa chất: DGC (-5.3%), TSC (-2.8%) | Xây dựng và Vật liệu: HHV (-1.5%), CII (-1.3%), DPG (-1.1%)

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, STB, VPB, GEE, LPB - Chiều giảm | VJC, VNM, VPL, VCB, HPG

Khối ngoại Mua ròng hơn 1000 tỷ, tập trung STB, MBB, SSI, trong khi bán ròng DGC, VIC, HPG.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

▪ **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, cho thấy phản ứng kiểm định tốt khu vực 1750 - 1765 điểm, cũng tương ứng là khoảng "gap tăng" trước đó. Dù vậy, sự lan tỏa toàn thị trường vẫn còn hạn chế khi độ rộng lại nghiêng về số mã giảm. Thanh khoản cũng giảm bớt cho thấy sự lưỡng lự còn chi phối. Điều này hàm ý phản ứng hồi phục của chỉ số chưa thuyết phục mà chỉ tập trung vào số ít mã trụ cột. Nếu độ rộng không cải thiện, trạng thái rung lắc kiểm định quanh ngưỡng 1750 - 1780 khả năng còn tiếp diễn.

▪ **Đối với HNX-Index**, lực cung chiếm ưu thế hơn đẩy chỉ số lùi về mức đỏ. Vận động khả năng tiếp tục rung lắc tích lũy thêm trong khu vực 253 - 258. Kháng cự mạnh hiện quanh ngưỡng 262 trong khi hỗ trợ là ngưỡng 250.

▪ **Chiến lược chung:** Vị thế nghiêng về Nắm giữ. Chiều mua nên xem xét thêm tín hiệu ổn định trên vùng 1750 điểm của VN-Index các phiên tới cũng như sự đồng thuận từ mặt bằng chung cổ phiếu. Thị trường khả năng còn rung lắc củng cố thêm đà, nên hạn chế hưng phấn mua đuổi trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng. Các nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiện ích, Tiêu dùng, Dầu khí.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua VNM (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,782.8	🟡	0.60%	6.5%	6.9%	25,438.2	▼	-3.6%	30.1%	46.3%	863.2	▼	-6.5%	40.9%	49.5%	
HNX-Index	252.6	▼	-1.12%	-0.2%	-3.3%	1,176.5	▼	-19.5%	27.4%	29.9%	60.5	▼	-10.2%	27.7%	38.1%	
UPCOM-Index	119.9	▼	-0.04%	1.0%	0.8%	943.9	▼	-53.5%	16.0%	85.3%	58.5	▼	-32.3%	55.9%	108.1%	
VN30	2,023.1	🟡	0.5%	6.6%	5.6%	15,588.4	▲	5.6%	59.8%	53.9%	413.5	▲	13.0%	50.3%	66.3%	
VNMID	2,252.1	🟡	0.3%	2.6%	-0.9%	6,989.1	▼	-23.7%	-6.5%	25.7%	264.5	▼	-28.4%	14.4%	22.1%	
VNSML	1,489.7	▼	-0.21%	-0.1%	-1.8%	1,321.6	▼	-7.5%	20.8%	30.6%	87.5	▼	-1.2%	27.5%	19.3%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	632.4	🟡	1.0%	3.77%	2.2%	7,541.8	▲	7.91%	21.0%	26.9%	307.3	▲	5.0%	16.5%	25.7%	
Bất động sản	838.4	▲	1.4%	17.4%	24.9%	5,680.0	▲	22.9%	21.4%	22.0%	134.7	▲	8.6%	0.6%	4.5%	
Dịch vụ tài chính	315.4	🟡	0.5%	1.0%	-3.3%	3,643.4	▲	2.9%	3.7%	12.7%	132.2	▼	-3.1%	-0.7%	6.5%	
Công nghiệp	278.5	▲	1.7%	7.4%	7.8%	1,217.4	▼	-42.2%	-5.7%	-18.2%	25.6	▼	-46.9%	-13.1%	-28.7%	
Tài nguyên cơ bản	525.5	▼	-0.7%	0.4%	-2.0%	1,102.5	▲	10.5%	-2.0%	11.2%	46.5	▲	10.1%	-4.5%	3.3%	
Xây dựng - Vật Liệu	185.0	▼	-1.2%	-1.9%	-2.5%	802.1	▼	-27.0%	0.6%	-17.0%	40.7	▼	-26.0%	2.2%	-8.6%	
Thực phẩm	556.2	▼	-0.4%	-0.2%	-0.1%	1,707.5	▼	-1.6%	-39.8%	-11.8%	46.5	▼	-9.1%	-33.2%	-8.9%	
Bán Lẻ	1,582.9	🟡	0.4%	5.9%	8.5%	710.1	▼	-50.0%	-26.7%	-15.9%	9.2	▼	-48.1%	-25.8%	-21.5%	
Công nghệ	501.3	▼	-0.4%	-2.3%	-5.1%	411.3	▼	-47.8%	-31.6%	-36.5%	6.1	▼	-40.9%	-35.3%	-36.9%	
Hóa chất	153.0	▼	-1.29%	-3.0%	-8.8%	799.5	▼	-32.5%	-28.3%	23.5%	17.3	▼	-26.2%	-18.6%	-3.3%	
Tiện ích	673.4	🟡	0.4%	2.6%	2.9%	263.1	▼	-28.5%	-21.2%	-14.1%	9.9	▼	-48.7%	-45.2%	-37.6%	
Dầu khí	75.7	▼	-0.50%	4.2%	4.7%	344.0	▼	-35.0%	-29.3%	-25.9%	15.0	▼	-32.5%	-33.6%	-25.4%	
Dược phẩm	428.9	▼	-0.7%	0.9%	2.7%	113.8	▲	42.7%	40.2%	25.1%	4.2	▲	16.7%	20.7%	-15.7%	
Bảo hiểm	91.9	▼	0.0%	4.4%	3.8%	93.3	▲	107.6%	49.5%	113.4%	3.8	▲	213.6%	79.0%	171.6%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,782.8	0.6%	40.7%	17.2x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,275	0.3%	-8.9%	13.6x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,538	-0.5%	20.6%	21.6x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,306	0.04%	-2.2%	16.3x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,042	0.00%	-7.5%	10.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,941	0.5%	17.6%	18.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,819	0.17%	28.7%	12.9x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,344	-0.14%	26.2%	22.2x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,910	0.5%	17.5%	27.6x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	48,442	0.2%	13.9%	25.1x	5.8x
FTSE 100	Anh	9,885	-0.04%	20.9%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,753	0.07%	17.5%	17.4x	2.5x
DXV		97.9	-0.44%	-9.8%		
USDVND		26,311	-0.08%	3.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

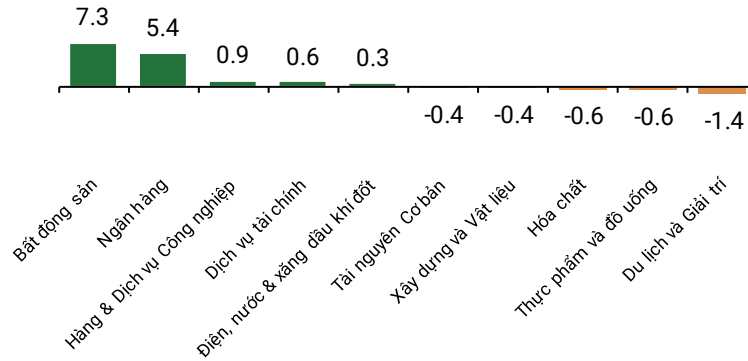
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent		0.2%	-1.4%	-16.3%	-15.0%
Dầu WTI		0.3%	-0.5%	-18.4%	-16.5%
Khí gas		11.7%	-2.7%	21.9%	12.2%
Than cốc (*)		0.0%	-9.4%	-10.6%	-13.3%
Thép HRC (*)		-0.1%	-0.6%	-5.7%	-5.8%
PVC (*)		-1.6%	-3.4%	-13.6%	-13.5%
Phân Urea (*)		-0.1%	-4.3%	6.6%	7.5%
Cao su thiên nhiên		2.0%	4.2%	-8.9%	-5.4%
Bông Cotton		0.85%	4.4%	-6.2%	-6.7%
Đường		1.8%	3.0%	-20.8%	-21.9%
World Container Index		11.5%	17.8%	-42.6%	-42.6%
Baltic Dirty tanker Index		-5.0%	-8.2%	44.9%	44.9%
Vàng		1.0%	8.5%	71.0%	71.5%
Bạc		4.3%	40.2%	149.1%	142.7%

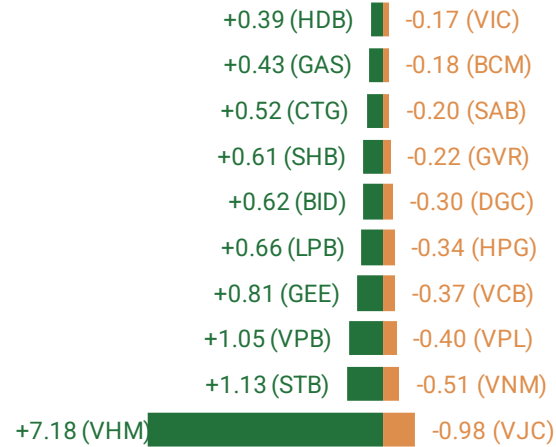
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

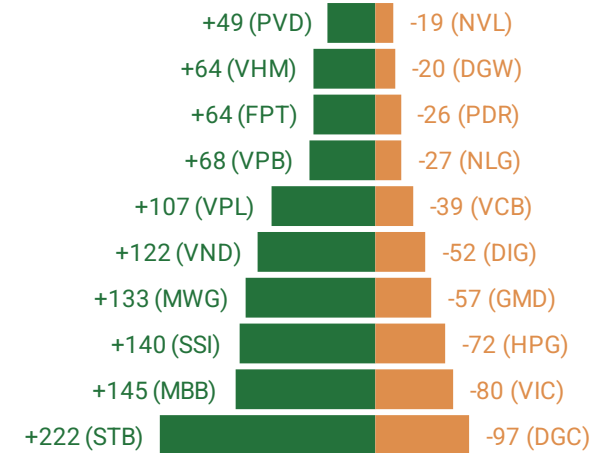


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

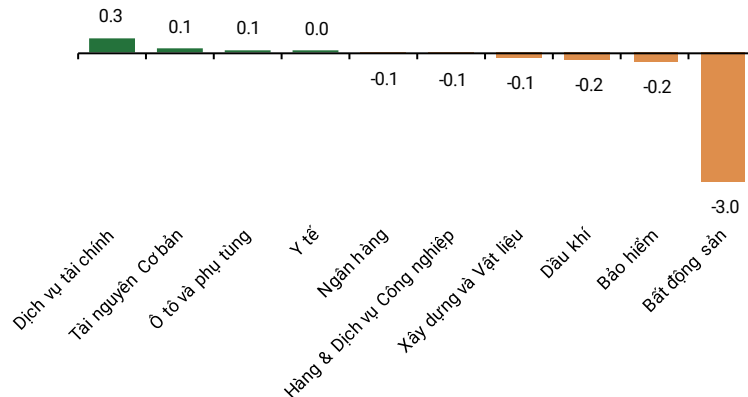


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

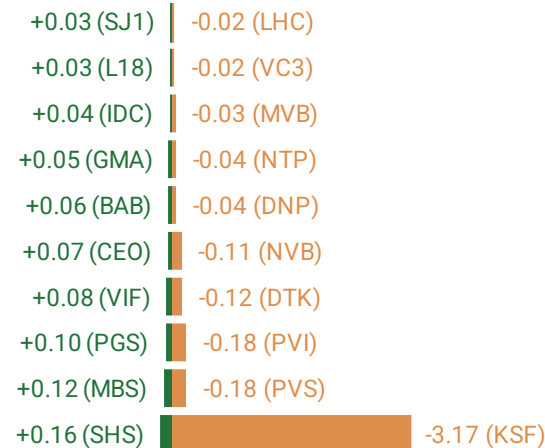
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



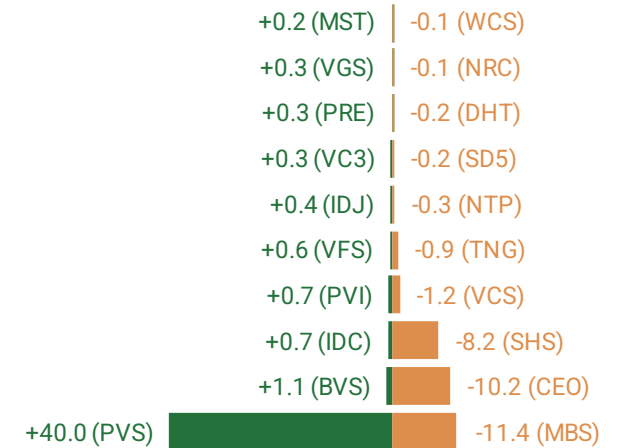
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



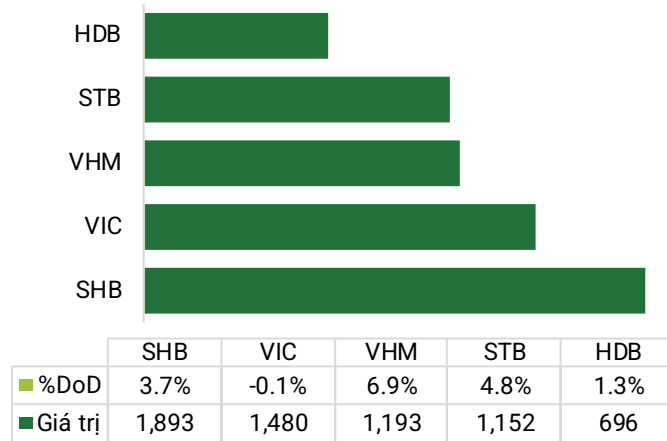
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



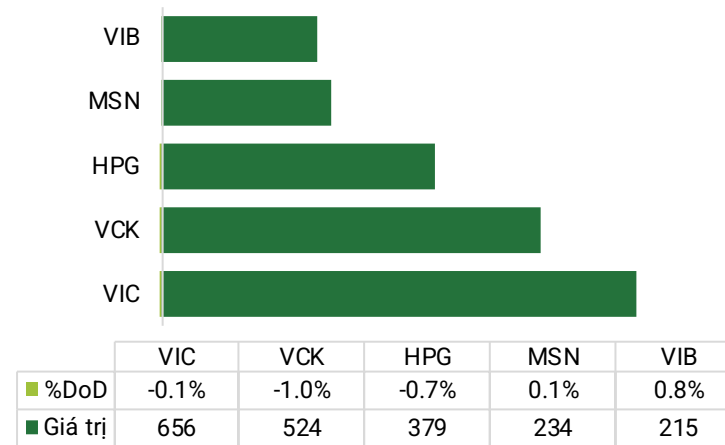
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

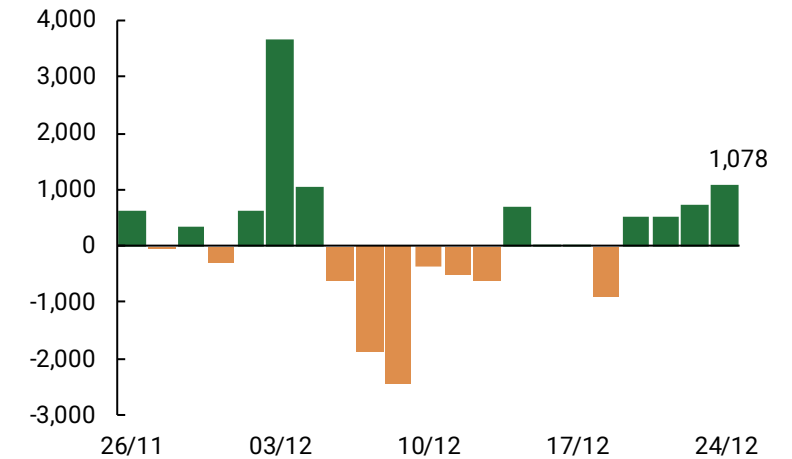


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

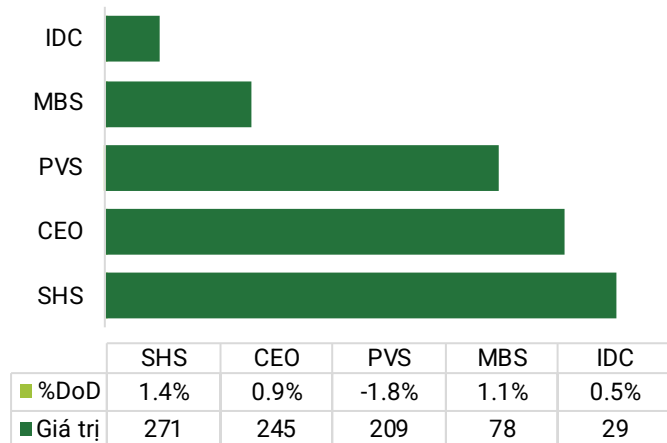


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

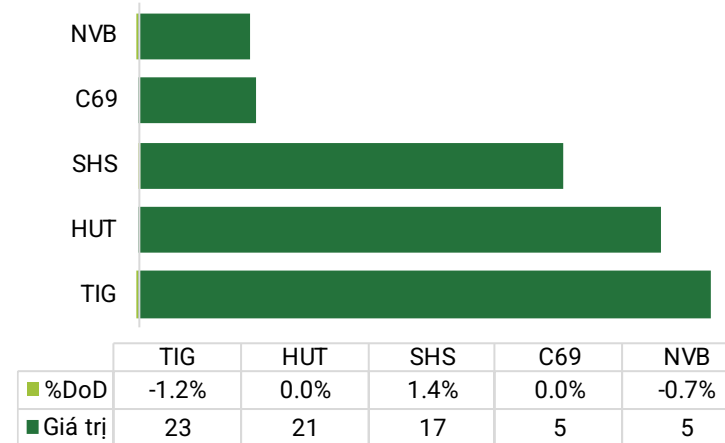
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



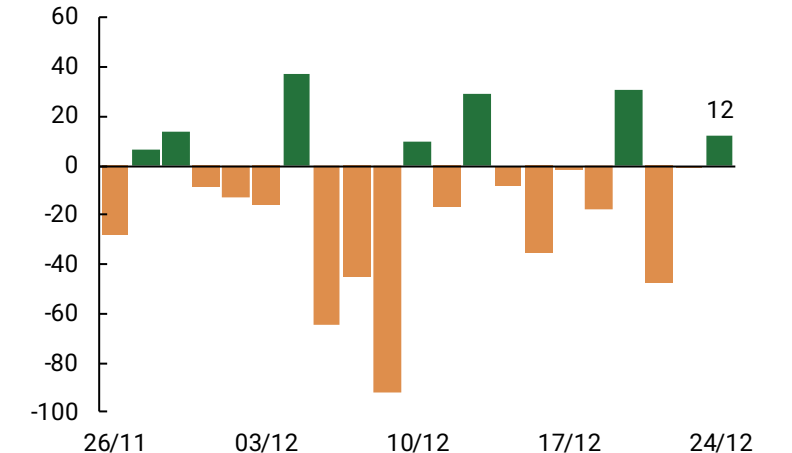
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Doji, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1750.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Củng cố thêm đà.

Kịch bản: Dù chỉ số có phản ứng bật tăng nhưng độ rộng thị trường lại chưa đồng thuận khi đà tăng chỉ tập trung phần lớn ở nhóm trụ cột. Nếu sự phân hóa vẫn tiếp diễn, VN-Index khả năng còn giằng co nhằm kiểm định thêm lực cầu. Hồ gần hiện quanh ngưỡng 1750 điểm. Trường hợp lực cầu hấp thụ tốt trong các phiên điều chỉnh, có thể kỳ vọng mục tiêu bứt phá mốc 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1970 - 2000.
- ✓ Kháng cự: 2050.
- ✓ Chỉ báo RSI, MACD trở lại quán tính tăng.
- ✓ Xu hướng: Củng cố thêm đà.

➔ Chỉ số kiểm định tốt khu vực hỗ trợ quanh 2000 điểm với động lực từ nhóm vốn hóa lớn. Phản ứng cho thấy mặt bằng nền giá đang được nâng lên. Dù vậy, trạng thái tăng điểm vẫn đang khá dốc, sẽ có rủi ro hạ nhiệt khi các cổ phiếu trụ cột điều chỉnh. Vùng tâm lý quanh 2000 điểm có thể còn giằng co củng cố thêm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	VNM	BUY	Current price	61.5		P/E (x)	14.8
			Action price	25/12	61.5	P/B (x)	3.77
Exchange	HOSE					EPS	4159.7
			Target price	68	10.6%	ROE	26.4%
Sector	Food Products		Cut loss	58	-5.7%	Stock Rating	A
					Scale Market Cap	Large	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá điều chỉnh về khu vực hỗ trợ quanh MA50 ngày.
 - Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt nhưng chưa thấp hơn vùng đáy dao động gần nhất, hàm ý tín hiệu điều chỉnh không quá tiêu cực.
 - Vùng giá quanh 60 – 61 cũng là vùng kháng cự trong quá khứ đã bị vượt qua nên giờ sẽ trở thành hỗ trợ mạnh.
- ➔ Xu hướng kỳ vọng kiểm định tốt hỗ trợ MA50 và trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VNM	Mua	25/12/2025	61.50	61.5	0.0%	68.0	10.6%	58	-5.7%	Điều chỉnh về hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Nắm giữ	28/11/2025	10/12/2025	56.30	56.6	-0.5%	64.0	13.1%	54.0	-4.6%	
2	NTP	Nắm giữ	03/12/2025	11/12/2025	63.80	64.2	-0.6%	71.0	10.6%	61.5	-4.2%	Nâng cắt lỗ 61.5
3	DBC	Nắm giữ	04/12/2025	24/12/2025	28.40	27.60	2.9%	30.5	10.5%	26.5	-4.0%	Nâng cắt lỗ 26.5
4	PNJ	Mua	18/12/2025	-	95.80	92.4	3.7%	100.0	8.2%	87.0	-5.8%	
5	POW	Mua	19/12/2025	-	12.75	12.30	3.7%	14.0	13.8%	11.4	-7.3%	
6	TV2	Mua	22/12/2025	-	35.8	36.3	-1.4%	40.0	10.2%	34.0	-6.3%	
7	KLB	Mua	23/12/2025	-	16.60	17.20	-3.5%	20.0	16.3%	15.8	-8.1%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa 2022, tăng 7 điểm (+0.4%). Thanh khoản tăng so với phiên trước và trên mức bình quân 20 phiên. Giá biến động trong phiên theo cả hai chiều nhưng phe mua cho thấy khả năng hấp thụ tốt tại vùng tâm lý cận 2000 điểm.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD có dấu hiệu hạ nhiệt nhưng được bù trừ bởi RSI đang cải thiện đà đi lên. Diễn biến cho thấy xu hướng củng cố lại nền giá trên vùng cao. Khu vực rung lắc có thể quanh 2010 – 2020. Điểm vào lệnh nên chờ giá xác nhận thoát ra khỏi các biên để vận động rõ ràng hơn. Với vị Long cân nhắc khi giá củng cố trên ngưỡng 2025 điểm. Vì thế Short có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 2010, gia tăng thêm nếu giá tiếp tục mất ngưỡng 1996.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1918.1, tăng 8.2 điểm (+0.4%). Độ lệch basis -4.7 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 34 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1900 - 1905 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1930.

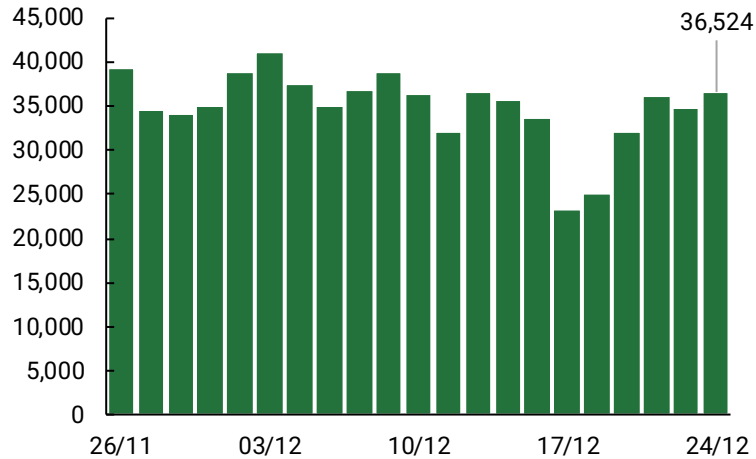
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2.025	2.040	2.015	15 : 10
Short	< 2.010	1.998	2.017	12 : 07
Short	< 1.996	1.984	2.004	12 : 08

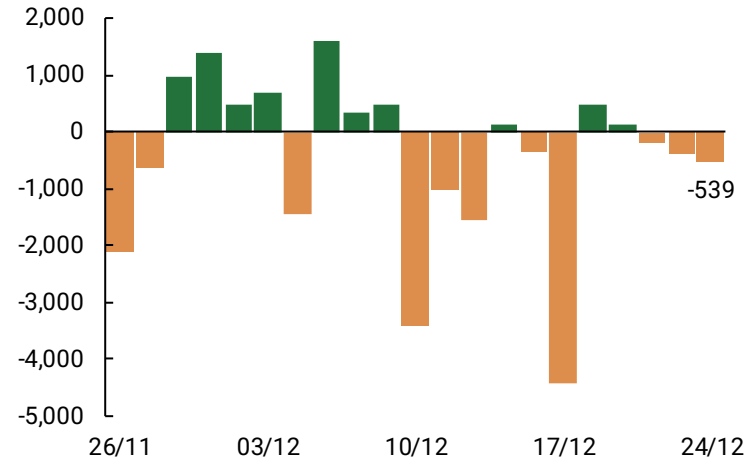
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,999.2	-0.8	41	251	2,032.9	-33.7	18/06/2026	176
41I1G3000	2,003.0	1.1	69	494	2,027.8	-24.8	19/03/2026	85
41I1G2000	2,015.3	1.6	249	503	2,026.0	-10.7	13/02/2026	51
41I1G1000	2,022.0	7.0	281,126	36,524	2,024.3	-2.3	15/01/2026	22
41I2G1000	1,918.1	8.2	34	37	1,924.0	-5.9	15/01/2026	22

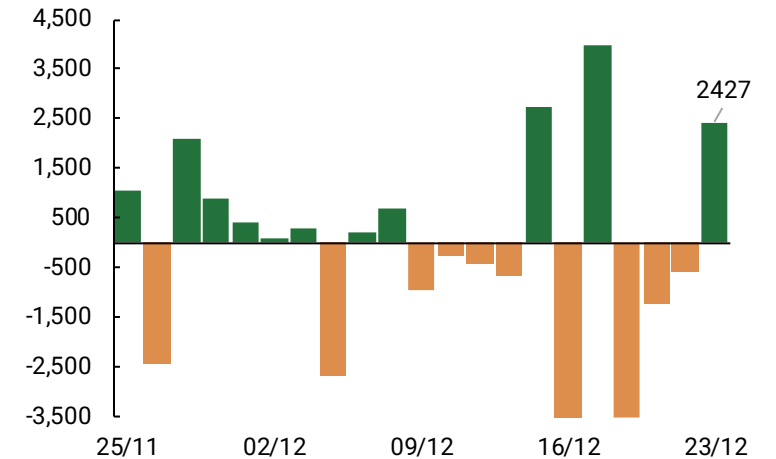
Khối lượng mở (Open interest)



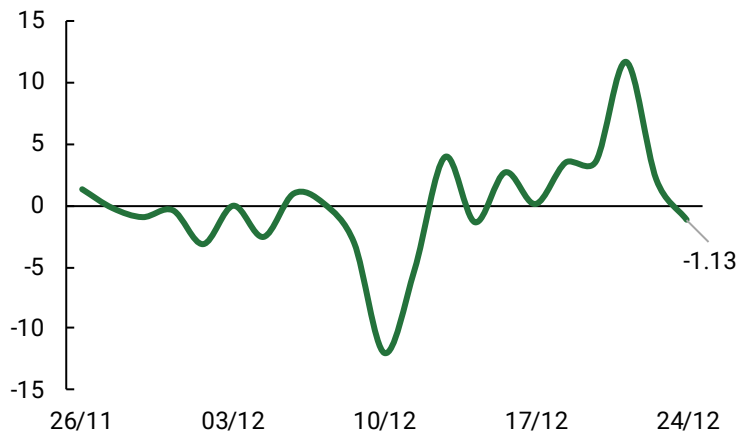
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



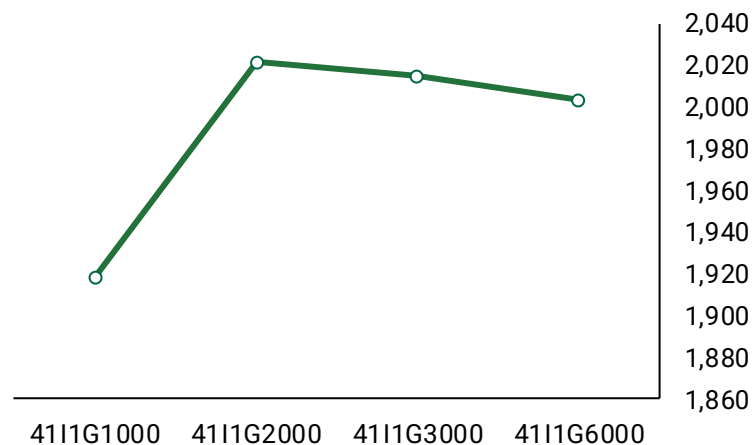
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



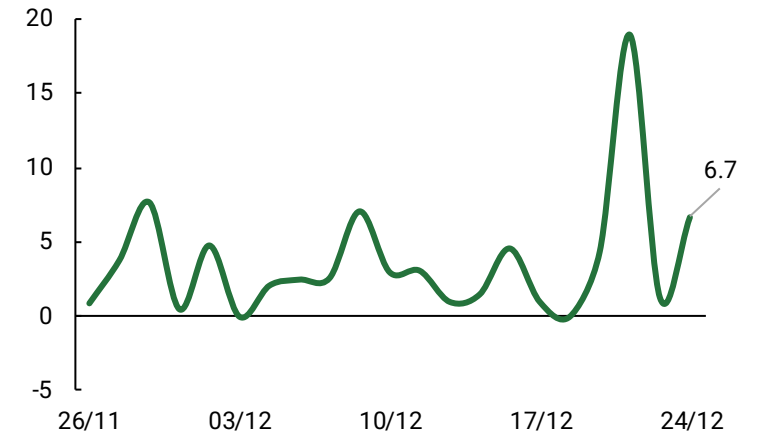
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	75,800	65,400	-13.7%	Bán
BCM	60,400	74,500	23.3%	Mua
CTD	78,300	87,050	11.2%	Tăng tỷ trọng
CTI	22,700	27,200	19.8%	Tăng tỷ trọng
DBD	48,300	68,000	40.8%	Mua
DDV	25,334	35,500	40.1%	Mua
DGC	65,000	99,300	52.8%	Mua
DGW	40,000	48,500	21.3%	Mua
DPG	40,800	53,100	30.1%	Mua
DPR	37,000	46,500	25.7%	Mua
DRI	12,384	17,200	38.9%	Mua
EVF	11,450	14,400	25.8%	Mua
FRT	146,600	135,800	-7.4%	Giảm tỷ trọng
GMD	60,000	72,700	21.2%	Mua
HAH	61,000	67,600	10.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	28,650	33,800	18.0%	Tăng tỷ trọng
HHV	13,500	12,600	-6.7%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,550	30,200	13.7%	Tăng tỷ trọng
IMP	50,100	55,000	9.8%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,300	22,700	-10.3%	Bán
MSH	33,300	43,100	29.4%	Mua
MWG	88,000	92,500	5.1%	Nắm giữ
NLG	31,500	39,900	26.7%	Mua
NT2	24,200	27,400	13.2%	Tăng tỷ trọng
PHR	56,300	72,800	29.3%	Mua
PNJ	95,800	96,800	1.0%	Nắm giữ
PVT	18,900	18,900	0.0%	Nắm giữ
SAB	48,800	59,900	22.7%	Mua
TLG	50,500	53,400	5.7%	Nắm giữ
TCB	34,950	35,650	2.0%	Nắm giữ
TCM	26,800	38,400	43.3%	Mua
TRC	76,000	95,800	26.1%	Mua
VCG	23,450	26,200	11.7%	Tăng tỷ trọng
VHC	53,600	60,000	11.9%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,500	66,650	8.4%	Nắm giữ
VSC	20,800	17,900	-13.9%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 01/12 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/12 Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
- 06/12 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
- 09/12 Úc – RBA công bố lãi suất
- 10/12 Canada – BOC công bố lãi suất
- 11/12 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
- 12/12 Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
- 17/12 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- Việt Nam - Đảo hạn phái sinh
- 18/12 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Anh – BoE công bố lãi suất
- 19/12 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 23/12 Mỹ - Ước tính GDP q/q (Q3)
- 31/12 Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ đẩy mạnh tịch thu tàu chở dầu Venezuela, nguy cơ gia tăng căng thẳng với Trung Quốc: Mỹ đẩy mạnh tịch thu tàu chở dầu Venezuela, trong đó có các tàu treo cờ Panama, làm gia tăng rủi ro địa chính trị. Động thái này không chỉ gây sức ép lên chính quyền Venezuela mà còn tác động trực tiếp tới Trung Quốc, nước mua tới ~76% dầu Venezuela. Căng thẳng Mỹ-Trung có thể leo thang trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược quanh nguồn cung năng lượng và Kênh đào Panama.

Áp lực giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 vẫn rất lớn khi đến 18/12 mới đạt 66,1% kế hoạch: Đến 18/12/2025, giải ngân vốn đầu tư công mới đạt 66,1% kế hoạch, tạo áp lực lớn cho mục tiêu giải ngân 100% trong năm. Nhiều bộ, ngành và địa phương phải chạy đua những ngày cuối năm, Thủ tướng yêu cầu đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Song song, việc chuẩn bị sớm dự án cho năm 2026 được xem là then chốt để tránh dồn áp lực về cuối kỳ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

VGT – Tập đoàn Dệt may Việt Nam ước tính doanh thu năm 2025 gần 19.000 tỷ, lợi nhuận đạt 1.355 tỷ đồng, cao thứ 2 lịch sử: Vinatex ước đạt doanh thu hợp nhất 18.890 tỷ đồng và lợi nhuận 1.355 tỷ đồng năm 2025, cao thứ 2 lịch sử, vượt xa kế hoạch. Ngành dệt may đối mặt nhiều thách thức từ thuế quan Mỹ, biến động chi phí và thiên tai, nhưng xuất khẩu vẫn tăng ~5%, đạt 46 tỷ USD, Mỹ tiếp tục là thị trường chủ lực. Năm 2026, Vinatex đặt mục tiêu doanh thu 20.000 tỷ đồng, lợi nhuận 1.200–1.500 tỷ, tập trung nâng cao hiệu quả, chuyển đổi số và phân khúc trung–cao cấp.

HPG - Úc không áp thuế chống bán phá giá với thép cốt bê tông của Hòa Phát: Ủy ban Chống bán phá giá Úc (ADC) vừa ra quyết định chấm dứt điều tra đối với Thép Hòa Phát. Qua quá trình thẩm tra kỹ lưỡng, ADC xác định biên độ bán phá giá của thép Hòa Phát là dưới 2%. Theo đó, sản phẩm thép cốt bê tông của Hòa Phát xuất khẩu sang thị trường này sẽ không bị áp thuế chống bán phá giá.

KSV - Báo lãi tăng vọt lên 2.399 tỷ bất chấp thiên tai: Vimico công bố mức lợi nhuận 2.399 tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 2025. Bên cạnh điểm sáng từ vàng và đồng, doanh nghiệp cũng thăng thấn nhận khó khăn từ mảng thép và áp lực thiên tai chưa từng có.

POW - PV Power báo lãi tăng hơn 80% trong 2025: PV Power ước lợi nhuận trước thuế năm 2025 hơn 2.500 tỷ đồng, tăng trên 80%, riêng công ty mẹ đạt 1.505 tỷ, gần gấp đôi kế hoạch. Doanh thu toàn tổng công ty đạt trên 35.000 tỷ đồng, sản lượng điện gần 18,9 tỷ kWh, hoàn thành 100% kế hoạch và tăng 17% so với 2024. Năm 2026, PV Power đặt mục tiêu doanh thu 49.887 tỷ, lợi nhuận sau thuế 1.124 tỷ, với động lực chính từ Nhơn Trạch 3 & 4.

CTI đặt kế hoạch 2026 lãi 113 tỷ, nguồn thu chủ yếu từ dự án BOT, xây lắp và cung cấp bê tông: CTI đặt kế hoạch năm 2026 doanh thu hợp nhất 1.201,5 tỷ đồng, lãi sau thuế 113,6 tỷ, nguồn thu chủ yếu từ BOT, xây lắp và cung cấp bê tông. Công ty dự kiến đầu tư 750 tỷ đồng cho các dự án khu dân cư Phước Tân, Cụm công nghiệp Tân An và các dự án tiềm năng khác. Năm 2025, CTI đã vượt kế hoạch lợi nhuận, với lãi sau thuế 9 tháng đạt 127 tỷ đồng, tạo nền tảng cho mục tiêu 2026.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415